

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01-4-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị B; trú tại: Thôn NĐ, xã LA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn P; trú tại: Thôn NĐ, xã LA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, chị Bùi Thị B trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Trần Văn P kết hôn với nhau vào năm 1994, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 23 tháng 9 năm 1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn NĐ, xã LA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, thông cảm với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải, khuyên nhủ, nhưng không có kết quả. Nay chị B thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết cho chị B được ly hôn anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị B và anh Trần Văn P có 02 con chung là Trần Thị L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1995; Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2002. Trường hợp ly hôn do cả 02 con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Trần Văn P thống nhất với chị Bùi Thị B về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị B có đơn ly hôn với anh, anh P thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, nên không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị B; về con chung anh P và chị B có 02 con chung về họ tên, tuổi như chị B trình bày, nay các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Bùi Thị B có đơn khởi kiện về việc ly hôn, anh Trần Văn P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị B đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn anh P không đến tham gia tố tụng tại Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là đã không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giải quyết chị Bùi Thị B được ly hôn anh Trần Văn P; về con chung: Các con của chị B, anh P đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, các đương sự không ai có yêu cầu việc nuôi dưỡng con chung, nên đề nghị không xét; về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xét; chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Bùi Thị B, bị đơn anh Trần Văn P: Chị B, anh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh P.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị B:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B kết hôn với anh Trần Văn P trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 9 năm 1994, tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống chị B và anh P đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của chị B, anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị B xin ly hôn anh P là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị B được ly hôn anh P.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị B và anh Trần Văn P có 02 con chung là Trần Thị L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1995; Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2002. Do cả 02 con chung của chị B, anh P đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị B, anh P không ai có đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Bùi Thị B được ly hôn anh Trần Văn P;

2- Về án phí: Chị Bùi Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0017378 ngày 30 tháng 10 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, chị B đã nộp đủ án phí.

3- Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Bùi Thị B, anh Trần Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã LA;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt